TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST Ngày 11 tháng 6 năm 2021 V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1988, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: buôn Kn, xã D, huyện K, Đăk Lăk.

Chỗ ở hiện nay: Buôn D 2, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lương Văn N, sinh năm 1991, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: buôn Kn, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: .., phường T, quận B, Tp. Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ngân hàng H Việt Nam.

Địa chỉ: .., phường T, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

Chị Q và anh Lương Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 28/9/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, mâu thuẫn kéo dài và ngày

càng trầm trọng, không thể khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị Q nhận thấy vợ chồng chị không còn tình cảm, không còn thương yêu tôn trọng nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị Q và anh N có 02 con chung là Lương Khánh T, sinh ngày 06/11/2011 và Lương Ngọc NY, sinh ngày 02/7/2017.

Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Q và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Q và anh N có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh K số tiền 65.000.000đ.

- Nợ Ngân H Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch .. số tiền 150.000.000đ.

Đối với các khoản nợ này chị Q đã ký cam kết trả nợ và thỏa thuận với Ngân hàng do đó chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 27/10/2020 bị đơn anh Lương Văn N trình bày:

Anh và chị Lê Thị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 28/9/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống khó khăn và cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì còn nợ nần ngân hàng và hai con của anh chị còn nhỏ anh không muốn hai con không có cha có mẹ.

Về con chung: Anh N và chị Q có 02 con chung là Lương Khánh T, sinh ngày 06/11/2011 và Lương Ngọc NY, sinh ngày 02/7/2014.

Trường hợp chị Q kiên quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh thì nguyện vọng của anh N về con chung là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Ngọc NY, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Khánh T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N và chị Q có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ Phòng giao dịch K - Ngân hàng Đ Việt Nam – Chi nhánh B số tiền gốc là 90.000.000đ.

- Nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh K số tiền 60.000.000đ.

Về nợ chung anh N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

- Tại văn bản số 34/NHNo-KRA ngày 08/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Việt Nam trình bày: Ngày 17/11/2020 vợ chồng bà Lê Thị Q và ông Lương Văn N vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện K số tiền gốc 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng) hạn trả 16/12/2021. Lãi tính đến ngày 08/3/2021: 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Trước khi Tòa án nhân dân huyện Krông Ana giải quyết theo đơn của bà Lê Thị Q. Yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Q và ông Lương Văn N trả nợ trước khi ly hôn.

- Tại văn bản ngày 360/2020/CV-CNDL người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng H Việt Nam trình bày:

Khoản vay của bà Lê Thị Q tính đến ngày 31/12/2020 tại Phòng giao dịch . - Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk là: Nợ gốc: 147.500.000đ; nợ lãi 276.548đ (lãi tính đến ngày 31/12/2020). Tổng cộng 147.776.548đ.

Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tuyên buộc bà Q và ông N phải có trách nhiệm trả hết nợ (gốc và lãi vay) tổng số tiền 147.776.548đ, và số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi vay theo quy định của Ngân hàng. Bởi lẽ:

+ Bà Q vay vốn tại Ngân hàng H Việt Nam nhằm mục đích tiêu dùng trong gia đình của bà Q và ông N.

+ Bà Q và ông N đứng ra ký kết hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ lập ngày 11/11/2020.

- Tại văn bản ngày 355/CV-BIDV.BM Ngân hàng Đ Việt Nam trình bày: Anh Lương Văn N và chị Lê Thị Q là bên vay vốn tại Ngân hàng Đ - chi nhánh B. Ngày 20/10/2020 TAND huyện Krông Ana đã thụ lý vụ án dân sự số 207/2020/TLST-HNGĐ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Q.

Đến ngày 01/4/2021 anh Lương Văn N và chị Lê Thị Q đã hết dư nợ vay tại Ngân hàng Đ Việt Nam chi nhánh B - PGD K. Do đó Ngân hàng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Q, cho chị Q được ly hôn anh N.

- Về con chung: anh N và chị Q có 02 con chung là Lương Khánh T, sinh ngày 06/11/2011 và Lương Ngọc NY, sinh ngày 02/7/2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Lương Ngọc NY cho anh N, giao con chung Lương Khánh T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu độc lập không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lương Văn N và xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*". Bị đơn cư trú tại buôn Kn, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi liên quan Ngân hàng N Việt Nam, Ngân hàng H Việt Nam đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Q và anh Lương Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 28/9/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Từ những nguyên nhân trên, chị Q yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh N, chị Q đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và đã kéo dài, hiện nay hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N đã xảy ra, trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: anh N và chị Q có 02 con chung là Lương Khánh T, sinh ngày 06/11/2011 và Lương Ngọc NY, sinh ngày 02/7/2014. Hiện các con chung đang ở cùng chị Q. Chị Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh N có nguyện vọng nuôi con chung Lương Ngọc NY. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh N là chính đáng, do đó giao con chung Lương Ngọc NY cho anh N trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Lương Khánh T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án phân chia, nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xác định được chị Lê Thị Q và anh Lương Văn N còn nợ Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện K số tiền gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 08/3/2021 là 2.400.000đ.

Chị Q, anh N còn nợ của Ngân hàng H Việt Nam - chi nhánh Đắk Lắk số tiền nợ gốc: 147.500.000đ; nợ lãi 276.548đ (lãi tính đến ngày 31/12/2020). Tổng cộng 147.776.548đ. Các ngân hàng đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về quyền yêu cầu độc lập, nhưng không có yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết các khoản nợ này. Khi đương sự có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q.

- *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Lương Văn N.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lương Khánh T, sinh ngày 06/11/2011 cho chị Q, giao con chung Lương Ngọc NY, sinh ngày 02/7/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Q, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 14738 ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Tuyên